

MỘT DƯỢC (Gôm nhựa)

hàng tế bào thành hơi dày và được phủ một lớp cutin. Giữa biểu bì ngoài và biểu bì trong là những tế bào mô mềm lớn, thành mỏng, không đều nhau, bị biến dạng, kích thước từ rất bé đến 310 µm, xếp thành nhiều hàng.

Định tính

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: Silica gel F₂₅₄ (2 - 10 µm).

Dung môi khai triển: n-Butanol - acid acetic (4 : 5).

Dung dịch thử: Lấy 0,5 g dược liệu đã cắt nhỏ, thêm 10 ml nước, đun sôi nhẹ trong 5 min (bù nước trong quá trình đun nếu cần), để nguội, lọc, dùng dịch lọc làm dịch chấm sắc ký.

Dung dịch dược liệu đối chiếu: Lấy 0,5 g Long nhãn (mẫu chuẩn), tiến hành chiết tương tự như mô tả ở phần Dung dịch thử.

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 1 µl mỗi dung dịch trên. Sau khi triển khai sắc ký đến khi dung môi đi được khoảng 8 cm, lấy bản mỏng ra để khô ở nhiệt độ phòng, phun *dung dịch vanilin - acid sulfuric (TT)*, sấy ở 100 °C đến khi hiện rõ vết. Quan sát bản mỏng dưới ánh sáng thường hoặc dưới ánh sáng tử ngoại bước sóng 365 nm.

Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết cùng màu sắc và tương đương về vị trí với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch dược liệu đối chiếu.

Độ ẩm

Không quá 15,0 % (Phụ lục 9.6, 1 g, 100 °C, 4 h).

Tro toàn phần

Không quá 4,0 % (Phụ lục 9.8).

Tạp chất (Phụ lục 12.11).

Tỷ lệ màu nâu sẫm không quá 5,0 % (đối với Long nhãn có màu vàng nhạt đến vàng).

Chất chiết được trong dược liệu

Không ít hơn 70,0 %, tính theo dược liệu khô kiệt.

Tiến hành theo phương pháp chiết nóng (Phụ lục 12.10), dùng nước làm dung môi.

Giới hạn nhiễm khuẩn

Đạt yêu cầu đối với thuốc uống có nguồn gốc tự nhiên (Phụ lục 13.6).

Chế biến

Cách 1: Để nguyên chùm quả, phơi nắng to hoặc sấy ở nhiệt độ từ 60 °C đến 100 °C, thỉnh thoảng đảo đều, đến khi lắc quả có tiếng kêu lóc cóc (thời gian phơi hoặc sấy khoảng 8 h đến 10 h), bóc bỏ vỏ cứng và hạt, lấy cùi và tiếp tục sấy ở 60 °C đến 80 °C đến khi sờ không dính tay (độ ẩm dược liệu dưới 15,0 %) là đạt yêu cầu. Chú ý giữ vệ sinh khi bóc cùi và khi sấy, phơi. Chùm quả trước khi phơi hoặc sấy có thể nhúng nước sôi từ 1 min đến 2 min. Long nhãn thu được có màu cánh gián.

Cách 2: Dùng dụng cụ chuyên dụng để bóc vỏ đầu núp quả, bỏ hạt, bóc vỏ, lấy cùi nhãn xếp thành 1 lớp trên giàn sấy, sấy khô ở nhiệt độ cao (khoảng 100 °C) trong 3 - 4 h. Tiếp tục sấy ở 80 - 90 °C đến gần khô và sấy ở nhiệt độ 60 °C đến khô (sờ không dính tay, thời gian sấy khoảng 3 - 4 h). Long nhãn thu được có màu vàng ngà đến vàng.

Bảo quản

Trong đồ đựng kín, có lót thêm chất chống ẩm. Để nơi khô, mát, tránh mốc, mọt, đề phòng dược liệu bị ẩm ướt, chua và biến màu. Thường dùng trong vòng 6 tháng kể từ ngày bào chế. Nếu long nhãn bị mốc, chảy nhựa chuyển màu đen không được dùng.

Tính vị, quy kinh

Vị ngọt, tính bình. Vào các kinh tâm, tỳ.

Công năng, chủ trị

Ích can, an thần, định chí, bổ tâm, bổ tỳ, bổ huyết. Chủ trị: Do lao lực nhiều, ăn ngủ kém, khí huyết hao tổn sinh chứng mất ngủ, tim hồi hộp, mệt mỏi, có trường hợp rối loạn nhịp tim, khí lực sút kém, da vàng.

Cách dùng, liều lượng

Ngày dùng từ 6 g đến 12 g. Dạng thuốc sắc hoặc thuốc viên hoặc hoàn tùy theo bài thuốc. Nếu tán bột làm viên hoàn thì thái nhỏ long nhãn, tán thô các vị thuốc khác, sau đó trộn đều các vị với nhau rồi tán thành bột mịn.

Kiêng kỵ

Ngoại cảm có hỏa uất phần huyết, các bệnh tích nước trong cơ thể không dùng.

MỘT DƯỢC (Gôm nhựa)

Myrrha

Chất gôm nhựa của cây Một dược [*Commiphora myrrha* (Nees) Engl.] và cây *Balsamodendron chrenbergianum* Berg., họ Trám (Burseraceae). Thu hoạch từ tháng 7 đến 9 là tốt nhất, khi đó lượng Một dược nhiều, chất lượng tốt. Năm sau, từ tháng 1 đến 3 lại có thể thu hoạch được. Thu lấy nhựa cây được chảy ra từ vết nứt tự nhiên của cây Một dược hoặc để thu hoạch được nhiều, thì có thể khía sâu vào vỏ thân và cành to để nhựa mới chảy ra thành giọt sền sệt như dầu đặc, màu trắng hoặc vàng nhạt, dần dần biến thành khối cục cứng trong không khí, có màu vàng sẫm, nâu vàng hoặc có khi đỏ nhạt, cuối cùng là màu đỏ sẫm. Thu lấy nhựa, loại bỏ tạp chất.

Mô tả

Một dược thiên nhiên: Có dạng khối, cục, hạt không đều, cục lớn dài 6 cm. Mặt ngoài màu nâu vàng hoặc nâu đỏ, có khi trong mờ. Một số khối có màu đen nâu, nhiều dầu,

BẢN BỘ SUNG ĐDVN V

MUÔNG TRÂU (Lá)

được phủ bụi phấn màu nâu vàng đất. Chất cứng, giòn. Mặt bị vỡ không phẳng. Có mùi thơm đặc biệt. Vị đắng hơi cay. Loại có màu nâu vàng, mặt vỡ hơi trong, tinh dầu nhuận, hương thơm nồng, vị đắng, không có tạp là tốt.

Bột

Bột có màu nâu đỏ hoặc màu vàng nâu. Lên tiêu bản bột bằng *dung dịch cloral hydrat (TT)*, quan sát trên kính hiển vi thấy: mảnh bản màu nâu đỏ; các tế bào cứng hình đa giác hoặc thuôn dài nằm đơn lẻ hoặc thành đám, thành dày một bên, hóa gỗ và có nhiều lỗ nhỏ (rỗ), bên trong có chứa chất màu nâu; mảnh mô mềm tế bào thành mỏng và các sợi mô cứng; tinh thể calci oxalat hình đa giác hoặc lăng trụ không đều, kích thước khoảng 10 - 25 μ m.

Định tính

A. Lấy vài hạt nhỏ, cho thêm *dung dịch vanilin trong acid hydrochloric (TT)*, lắc đều, sẽ có màu đỏ thẫm.

B. Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: Silica gel 60F₂₅₄.

Dung môi khai triển: Cyclohexan - di-isopropyl ether - acid acetic băng (60 : 40 : 10).

Dung dịch thử: Lấy 0,2 g bột, thêm 4 ml ethanol 96 % (TT), lắc siêu âm trong 10 min, lọc. Dịch lọc dùng để chấm sắc ký.

Dung dịch dược liệu đối chiếu: Lấy 0,2 g Một dược (mẫu chuẩn), tiến hành chiết như mô tả ở phần Dung dịch thử.

Dung dịch kiểm tra: Hòa tan 10 mg thymol (TT) và 40 μ l anethol (TT) trong 10 ml ethanol 96 % (TT).

*Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 5 μ l mỗi dung dịch trên thành các vạch dài khoảng 8 mm. Sau khi triển khai sắc ký, lấy bản mỏng ra, để khô ngoài không khí. Phun *dung dịch anisaldehyd (TT)*, sấy bản mỏng ở 100 °C đến khi hiện rõ vết, quan sát bản mỏng dưới ánh sáng thường. Trên sắc ký đồ của dung dịch kiểm tra phải có 2 vết tách nhau hoàn toàn trong đó có một vết màu vàng cam của thymol và một vết màu tím của anethol nằm ngay phía trên vết thymol. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết cùng màu sắc và tương đương về vị trí với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch dược liệu đối chiếu.*

Độ ẩm

Không quá 15,0 % (Phụ lục 9.6, 1,000 g, 105 °C, 2 h).

Tro toàn phần

Không quá 15,0 % (Phụ lục 9.8).

Tro không tan trong acid

Không quá 10,0 % (Phụ lục 9.7).

Tạp chất

Vỏ cây còn sót lại không quá 2,0 % (Phụ lục 12.11).

Cẩn không tan trong ethanol

Không quá 75 %.

Cần chính xác khoảng 1,00 g bột dược liệu đã qua rây 250 vào trong bình nón. Thêm 30 ml *ethanol 96 % (TT)* và lắc mạnh trong 10 min. Để lắng, gạn dịch chiết và lọc qua giấy lọc đã được sấy ở 100 - 105 °C đến khối lượng không đổi. Cẩn ở trong bình nón được chiết như trên 2 lần nữa, mỗi lần 20 ml *ethanol 96 % (TT)*. Dùng *ethanol 96 % (TT)* chuyển toàn bộ cẩn trong bình nón vào giấy lọc trên. Sấy cẩn và giấy lọc ở 100 - 105 °C đến khối lượng không đổi. Tính phần trăm lượng cẩn không tan theo dược liệu nguyên trạng.

Chế biến

Tẩm dấm sao (Phụ lục 12.20): Trộn đều Một dược sạch với dấm, ủ một thời gian (khoảng 30 phút) đến khi dược liệu ngấm đều và trở lên ẩm, cho hỗn hợp vào chảo sao nhỏ lửa đến khi mặt ngoài sáng bóng, lấy ra để nguội. Cứ 100 kg Một dược dùng 6 L dấm.

Bột Một dược: Lấy Một dược sạch, giã vụn, sao qua với Đẳng tâm thảo, tán bột mịn. Cứ 40 g Một dược dùng 1 g Đẳng tâm thảo.

Bột Một dược thủy phi: Cho ít rượu vào Một dược, nghiền nát, cho nước vào thủy phi đến bột mịn, phơi khô.

Bảo quản

Trong đồ đựng kín, để nơi khô, mát, tránh ẩm.

Tính vị, quy kinh

Vị đắng, tính bình. Vào các kinh can, tâm, tỳ.

Công năng, chủ trị

Hoạt huyết, khứ ứ, chỉ thông tiêu sưng, sinh cơ, thông kinh. Chủ trị: Kinh bế, thông kinh, đau thượng vị, nhọt độc sưng đau, sưng đau do sang chấn, trĩ, mục trướng (đục thủy tinh thể). Dùng ngoài để thu miệng, lên da non vết loét lâu lành.

Cách dùng, liều lượng

Ngày dùng từ 4 g đến 12 g, dạng thuốc sắc hoặc hoàn tán. Dùng ngoài tán bột để bôi, đắp.

Kiêng kỵ

Phụ nữ có thai, mụn nhọt đã vỡ không nên dùng.

MUÔNG TRÂU (Lá)

Folium Sennae alatae

Lá chét phơi hay sấy khô của cây Muồng trâu [*Senna alata* (L.) Roxb.; Syn. *Cassia alata* L.], họ Vang (Caesalpiniaceae). Thu hoạch vào mùa hạ, hái lấy lá, phơi âm can hoặc sấy nhẹ hay sao đến khô.

Mô tả

Lá kép hình lông chim, dài 30 cm đến 40 cm, gồm 8 đến 12 đôi lá chét. Lá chét hình trứng hoặc hình ô van đều, có khi gần giống hình chữ nhật nhưng góc tròn, góc lá hơi lệch (bất đối), dài 5 cm đến 13 cm, rộng 2,5 cm đến 7 cm.